| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN ĐỒ SƠN**<br>**THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 07/2019/QĐST-HNGĐ | *Đồ Sơn, ngày 30 tháng 01 năm 2019* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ vào các điều 212, 213, khoản 4 điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 09/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*:

- Bà Trịnh Thị L, nơi cư trú: Tổ Đ, phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng;

- Ông Nguyễn Liên X, nơi cư trú: Tổ A, phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị L và ông Nguyễn Liên X kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường Bàng La, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 85/2014 ngày 09-12-2014. Trước khi kết hôn, bà L và ông X đều đã có con riêng. Đến nay, ông, bà chưa có con chung. Trong cuộc sống, ông, bà không có sự hòa hợp về tính cách; không hài hòa trong quan hệ với người thân của hai bên gia đình; không có tiếng nói chung trong việc quan tâm đến con riêng của nhau nên hay xảy ra va chạm và cãi nhau. Gần đây, bắt nguồn từ việc mâu thuẫn giữa bà L và người thân của ông X nên mâu thuẫn giữa ông bà trở lên trầm trọng hơn. Cả bà L và ông X đều không có giải pháp để cải thiện tình trạng hôn nhân. Từ đó, bà L và ông X không nói chuyện với nhau, việc ai người ấy làm và đã sống ly thân. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông X đã không còn hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại; việc bà L và ông X thuận

tình ly hôn được ghi nhận trong Biên bản hòa giải, đối thoại thành ngày 22 tháng 01 năm 2019 là có căn cứ cần được công nhận.

[2] Về con chung: Bà L và ông X không có con chung nên ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Bà L và ông X thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Bà L và ông X thỏa thuận để bà L nộp 300.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm. Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, cần chấp nhận sự thỏa thuận của bà bà L và ông X.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị L và ông Nguyễn Liên X thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà L và ông X không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà L và ông X thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà L nhận nộp lệ phí dân sự sơ thẩm 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm bà đã nộp 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng, theo Biên lai số: 0006931 ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, bà L đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận***:
- Đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường Bàng La;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự, HCTP.

**THẨM PHÁN**

**Phạm Hữu Trường**